

	<i>Trong đó</i>						
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	1,62	4,49	1,32		1,32	3,66
2.2	Đất quốc phòng	0,01	0,03	0,01		0,01	0,03
2.3	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	1,33	3,69	1,33		1,33	3,69
2.4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	0,43	1,19	0,43		0,43	1,19
2.5	Đất có mặt nước chuyên dùng	0,38	1,05	0,36		0,36	1,00
2.6	Đất phát triển hạ tầng	18,08	50,14	17,81		17,81	49,39
	<i>Trong đó:</i>						
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>0,53</i>	<i>1,47</i>	<i>0,63</i>		<i>0,63</i>	<i>1,75</i>
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>3,33</i>	<i>9,23</i>	<i>3,33</i>		<i>3,33</i>	<i>9,23</i>
	<i>Đất cơ sở giáo dục-đào tạo</i>	<i>4,12</i>	<i>11,43</i>	<i>3,50</i>		<i>3,50</i>	<i>9,71</i>
2.7	Đất ở tại đô thị	13,55	37,58	14,17		14,17	39,30
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>						
	Đất chưa sử dụng còn lại	0,66	1,83	0,63		0,63	1,75
	Diện tích đưa vào sử dụng			0,03		0,03	0,08

2. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

*Đơn vị tính: ha*

Thứ tự	Chỉ tiêu	Cả thời kỳ 2011-2020	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp</b>			
2	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>			

3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:

*Đơn vị tính: ha*

STT	Mục đích sử dụng	Cả thời kỳ 2011-2020	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>			
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>0,03</b>	<b>0,03</b>	
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất phát triển hạ tầng	0,03	0,03	
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>0,03</i>	<i>0,03</i>	

(Vị trí các loại đất trong quy hoạch sử dụng đất được xác định theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỷ lệ 1/2.000; Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý do Ủy ban nhân dân thành phố Phủ Lý xác lập ngày 20 tháng 11 năm 2013).